TẬP ĐOÀN CN THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

CÔNG TY THAN HẠ LONG - TKV

BẢNG TÍNH VÀ THANH TOÁN LƯƠNG KHỐI VĂN PHÒNG

Đơn vị: 06-Phòng KT An toàn và BHLĐ

Tháng 9 năm 2020

Stt	SDB	Tên	Chức danh	Mức LCB	Lương SP			Lương Chủ nhật		Lương phép		Lương 100%		Lương khác		Giờ PN	PC HĐCĐ	PC trách nhiệm		Tổng thu nhập	Các khoản phải trừ									Tổng giảm trừ	Còn lĩnh	Ký nhận
					Công	XL	Lương	Công	Lương	Công	Lương	Công	Lương	Công	Lương			HS	Tiền		BHXH	BHYT	BHTN	Truy thu BHXH	ĐPCĐ	Quỹ HĐXH	Phí ở chung cư	Tham quan	Trừ ăn TĐ			
1	**01**	**Tổ quản lý**			**91**		**53.960.000**	**9**	**5.075.000**	**9**	**3.628.731**	**4**	**1.623.423**	**4**	**2.000.000**		**3.150.000**	**0,30**	**480.000**	**69.917.154**	**3.415.300**	**640.500**	**427.100**	**100.800**	**586.100**	**220.000**		**3.000.000**		**8.389.800**	**61.527.354**	
1	HL-00117	Đỗ Văn Đại	Trưởng phòng	11.446.000	25	A	15.200.000	4	2.460.000			1	440.231	2	1.000.000		1.350.000			20.450.231	915.700	171.700	114.500		149.000	55.000		3.000.000		4.405.900	16.044.331	
2	HL-02795	Vũ Quang Hiếu	Phó phòng	10.483.000	25	A	12.920.000	2	1.046.000			1	403.192				900.000			15.269.192	838.700	157.300	104.900		141.700	55.000				1.297.600	13.971.592	
3	HL-03678	Phạm Khắc Phan	Phó phòng	10.483.000	16	A	12.920.000	1	523.000	9	3.628.731	1	403.192				900.000			18.374.923	838.700	157.300	104.900		149.000	55.000				1.304.900	17.070.023	
4	HL-00877	Đậu Anh Tú	Phó phòng	9.797.000	25	A	12.920.000	2	1.046.000			1	376.808	2	1.000.000			0,30	480.000	15.822.808	822.200	154.200	102.800	100.800	146.400	55.000				1.381.400	14.441.408	
2	**08**	**Tổ chuyên viên**			**147**		**50.948.091**	**6**	**2.300.000**			**6**	**1.429.846**			**62.700**	**900.000**			**55.640.637**	**2.974.500**	**557.900**	**372.000**		**517.400**	**330.000**				**4.751.800**	**50.888.837**	
5	HL-00978	Chu Quang Nam	Chuyên viên	5.609.000	25	A	9.270.135	4	1.624.000			1	215.731				900.000			12.009.866	448.800	84.200	56.100		114.200	55.000				758.300	11.251.566	
6	HL-03497	Nguyễn Mạnh Hùng	Chuyên viên	6.184.000	25	A	8.360.000					1	237.846							8.597.846	494.800	92.800	61.900		79.500	55.000				784.000	7.813.846	
7	HL-03553	Ngô Văn Hòe	Chuyên viên	6.184.000	25	A	8.360.000					1	237.846							8.597.846	494.800	92.800	61.900		79.500	55.000				784.000	7.813.846	
8	HL-00311	Ngô Văn Khánh	Chuyên viên	6.197.000	22	A	7.769.256					1	238.346							8.007.602	495.800	93.000	62.000		73.600	55.000				779.400	7.228.202	
9	HL-02733	Trần Thị Đức	Chuyên viên	6.184.000	25	A	8.360.000					1	237.846			62.700				8.660.546	494.800	92.800	61.900		80.100	55.000				784.600	7.875.946	
10	HL-00394	Phạm Văn Khánh	Chuyên viên	6.818.000	25	A	8.828.700	2	676.000			1	262.231							9.766.931	545.500	102.300	68.200		90.500	55.000				861.500	8.905.431	
3	**10**	**Tổ giám sát an toàn**			**291**		**107.891.908**	**16**	**5.544.000**	**9**	**2.140.615**	**12**	**2.706.154**							**118.282.677**	**5.629.700**	**1.056.000**	**704.000**		**1.108.900**	**660.000**	**602.000**		**156.000**	**9.916.600**	**108.366.077**	
11	HL-07081	Nguyễn Ngọc Hải	Giám sát AT HL	6.184.000	25	A	8.828.700	2	676.000			1	237.846							9.742.546	494.800	92.800	61.900		90.900	55.000	309.000		156.000	1.260.400	8.482.146	
12	HL-01965	Vũ Văn Thoại	Giám sát AT HL	6.184.000	25	A	8.828.700	1	338.000			1	237.846							9.404.546	494.800	92.800	61.900		87.600	55.000	293.000			1.085.100	8.319.446	
13	HL-01392	Đỗ Văn Hưởng	Giám sát AT HL	6.184.000	25	A	10.032.000					1	237.846							10.269.846	494.800	92.800	61.900		96.200	55.000				800.700	9.469.146	
14	HL-02916	Trần Văn Quý	Giám sát AT HL	6.184.000	16	A	6.780.442			9	2.140.615	1	237.846							9.158.903	494.800	92.800	61.900		85.100	55.000				789.600	8.369.303	
15	HL-04402	Lưu Văn Hiệu	Giám sát AT HL	5.609.000	25	A	10.417.866	2	812.000			1	215.731							11.445.597	448.800	84.200	56.100		108.600	55.000				752.700	10.692.897	
16	HL-02007	Trần Văn Hùng	Giám sát AT HL	6.818.000	25	A	8.828.700	1	338.000			1	262.231							9.428.931	545.500	102.300	68.200		87.100	55.000				858.100	8.570.831	
17	HL-02657	Hoàng Văn Hậu	Giám sát AT HL	5.609.000	25	A	8.828.700	2	676.000			1	215.731							9.720.431	448.800	84.200	56.100		91.300	55.000				735.400	8.985.031	
18	HL-00838	Nguyễn Khắc Phúc	Giám sát AT HL	6.184.000	25	A	8.828.700	2	676.000			1	237.846							9.742.546	494.800	92.800	61.900		90.900	55.000				795.400	8.947.146	
19	HL-00792	Nguyễn Xuân Hưng	Giám sát AT HL	5.098.000	25	A	10.032.000					1	196.077							10.228.077	407.900	76.500	51.000		96.900	55.000				687.300	9.540.777	
20	HL-04145	Trần Quang Duy	Giám sát AT HL	5.609.000	25	A	8.828.700	2	676.000			1	215.731							9.720.431	448.800	84.200	56.100		91.300	55.000				735.400	8.985.031	
21	HL-04394	Nguyễn Văn Mạnh	Giám sát AT HL	5.609.000	25	A	8.828.700	2	676.000			1	215.731							9.720.431	448.800	84.200	56.100		91.300	55.000				735.400	8.985.031	
22	HL-01635	Lê Xuân Trường	Giám sát AT HL	5.088.000	25	A	8.828.700	2	676.000			1	195.692							9.700.392	407.100	76.400	50.900		91.700	55.000				681.100	9.019.292	
Tổng cộng					**529**		**212.799.999**	**31**	**12.919.000**	**18**	**5.769.346**	**22**	**5.759.423**	**4**	**2.000.000**	**62.700**	**4.050.000**	**0,30**	**480.000**	**243.840.468**	**12.019.500**	**2.254.400**	**1.503.100**	**100.800**	**2.212.400**	**1.210.000**	**602.000**	**3.000.000**	**156.000**	**23.058.200**	**220.782.268**	

Quảng Ninh, ngày 22 tháng 10 năm 2020

LẬP BIỂU	PHÒNG TCLĐ	KẾ TOÁN TRƯỞNG	P.GIÁM ĐỐC
Mã Thành Trung	Nguyễn Văn Thỏa	Đặng Thanh Lam	Phạm Văn Hùng